

Số: 1706/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I  
chuyên ngành Tai Mũi Họng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ quyết định số 931/BYT-QĐ ngày 25/8/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HDT-YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/05/2022 và quyết định số 964/QĐ-YDHP ngày 09/06/2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa I các chuyên ngành;

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trường khoa Y.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I, chuyên ngành Tai Mũi Họng Mã số: 607253CK.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
PGS. TS. *Phạm Văn Linh*



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

---



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I TẠI MŨI HỌNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1.106/QĐ-YDHP ngày 28 tháng 09 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

## I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo:	Chuyên khoa I Tai Mũi Họng
Trình độ đào tạo:	Chuyên khoa I
Khối ngành:	Y học
Ngành đào tạo:	Tai Mũi Họng
Mã ngành:	62.72.56.CK
Hệ đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp:	Bác sỹ chuyên khoa I Tai Mũi Họng
Đơn vị đào tạo, cấp bằng:	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng:	Bác sỹ đa khoa
Thời gian áp dụng:	

## II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo bác sỹ chuyên khoa I Tai Mũi Họng được xây dựng phù hợp với Tâm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khoẻ.

### 1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

**Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo.

**Tâm nhìn:** Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

**Triết lý giáo dục:** Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khoẻ cộng đồng.

### 2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

#### Mục tiêu tổng quát:

Chương trình đào tạo bác sỹ CK1 Tai Mũi Họng nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc khám, chẩn đoán và điều trị, giải quyết các vấn đề chuyên ngành Tai Mũi Họng diện rộng; bổ sung một số kiến thức khoa học

cơ bản và y dược học cơ sở liên quan để có thể vươn lên tự học trở thành chuyên gia y tế thực hành chuyên khoa Tai Mũi Họng.

### **Mục tiêu cụ thể**

#### ***Về kiến thức:***

PO1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh bệnh học, nguyên nhân, dịch tễ học của các bệnh thường gặp trong chuyên ngành Tai Mũi Họng.

PO2: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Tai Mũi Họng thường gặp

PO3: Trình bày được những kiến thức và kỹ thuật hiện đại về chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.

#### ***Về kỹ năng:***

PO4: Chẩn đoán và xử trí thành thạo được các bệnh Tai Mũi Họng thông thường và một số cấp cứu Tai Mũi Họng thường gặp.

PO5: Làm thành thạo một số thủ thuật, phẫu thuật Tai Mũi Họng.

PO6: Tư vấn được các vấn đề liên quan đến bệnh, tật về Tai Mũi Họng tại cộng đồng; huy động được các nguồn lực để làm tốt công tác phòng bệnh và chăm sóc Tai Mũi Họng tại cộng đồng.

PO7: Có khả năng tự đào tạo, nghiên cứu học tập nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn.

#### ***Về thái độ:***

PO8: Có thái độ khẩn trương, nhanh chóng trong các cấp cứu Tai Mũi Họng

PO9: Chú trọng công tác phát hiện sớm các tật khúc xạ, glôcôm trong cộng đồng; theo dõi lâu dài cho bệnh nhân glôcôm.

### **III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)**

##### **1.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức:**

PLO1: Có hệ thống kiến thức Tai Mũi Họng đầy đủ theo chương trình chi tiết Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 lý thuyết và lâm sàng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

##### **1.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

PLO3: Thực hành được chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường về Tai Mũi Họng. Tiên lượng và hướng giải quyết những trường hợp khó, phức tạp cần chuyển tuyến

PLO4: Làm thành thạo các khám nghiệm chức năng cơ bản trong chuyên ngành Tai Mũi Họng, các thủ thuật thông thường và một số phẫu thuật tiểu-trung phẫu chuyên ngành Tai Mũi Họng. Kiến tạo các phẫu thuật đại phẫu, nắm được chắc chắn các thì phẫu thuật để có thể làm, triển khai ở cơ sở khi có đủ trang thiết bị.

PLO5: Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành, tin học trong thực hành nghề nghiệp để tìm kiếm tài liệu, chứng cứ y học góp phần cải thiện năng lực chuyên môn.

### 1.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO6: Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.

PLO7: Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học thuộc lĩnh vực chuyên khoa.

## 2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nhằm trang bị cho học viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về chuyên khoa Tai Mũi Họng; thực hành thành thạo các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu và tiên lượng. Việc vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hành lâm sàng để biện luận chẩn đoán, điều trị, giúp tăng cường khả năng khám chữa bệnh độc lập, có tư duy làm việc chủ động, tích cực, độc lập, sáng tạo, cập nhật các kiến thức mới trong chuyên ngành Tai Mũi Họng.

Sẵn sàng thực hiện và chịu trách nhiệm về lĩnh vực công tác chuyên môn, giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và cộng đồng là tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo những chuẩn mực đạo đức, pháp lý.

## 3. Ma trận Mục tiêu - Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
PO1	x	x					
PO2	x	x	x	x	x		
PO3	x	x	x	x	x	x	x
PO4	x	x	x	x		x	x
PO5	x	x	x	x		x	x
PO6	x	x	x	x	x	x	x
PO7	x	x	x	x	x	x	x

PO8	x	x	x	x		x	x
PO9	x	x	x	x	X	x	x

**4. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF): Phụ lục**

Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hoàn toàn phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam tương đương Bậc 7.

#### IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH (hoặc LS)
1.	Phần kiến thức chung	7	11%	135	5/75	2/60
2.	Phần kiến thức cơ sở	6	10%	180	3/45	3/135
3.	Phần kiến thức chuyên ngành	40	63%	1440	12/180	28/1260
4.	Phần kiến thức tự chọn	8	13%	300	2/30	6/270
5.	Học phần tốt nghiệp	2	3%	60	1/15	1/45
6.	<b>TỔNG</b>	<b>63</b>	<b>100%</b>	<b>2115</b>	<b>23/345</b>	<b>40/1770</b>

##### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/ tiết học	
					LT	TH (hoặc LS)
<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>						
1.		Triết học	7	135	5/75	2/60
2.		Ngoại ngữ chuyên ngành	3	45	3/45	0
3.		Tin học ứng dụng	2	45	1/15	1/30
<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>						
4.		Giải phẫu đầu mặt cổ	2	45	1/15	1/30
			<b>6</b>	<b>180</b>	<b>3/45</b>	<b>3/135</b>
			2	45	1/15	1/30

5.		Thần kinh nội khoa	4	120	2/30	2/90
<b>PHÂN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>						
6.	HP1	Kiến thức chung về tai mũi họng	40	1440	12/180	28/1260
7.	HP2	Bệnh học tai xương chũm	10	360	3/45	7/315
8.	HP3	Bệnh học mũi xoang	10	360	3/45	7/315
9.	HP4	Bệnh học họng - thanh quản	10	360	3/45	7/315
<b>PHÂN KIẾN THỨC TỰ CHỌN (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>						
10.	Nhóm 1	Thủ thuật và phẫu thuật cơ bản trong tai mũi họng	4	150	1/15	3/135
11.		Chẩn đoán thính học	4	150	1/15	3/135
12.	Nhóm 2	Cấp cứu Tai Mũi Họng	4	150	1/15	3/135
13.		Chẩn đoán hình ảnh Tai Mũi Họng	4	150	1/15	3/135
<b>HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP</b>						
<b>TỔNG</b>			<b>63</b>	<b>2115</b>	<b>23/345</b>	<b>40/1770</b>



### 3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã HP /module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1.	Triết học			x			x	x
2.	Ngoại ngữ CN			x		x		x
3.	Tin học UD			x		x		x
4.	Giải phẫu	x	x			x		
5.	Thần kinh nội khoa	x	x			x		x
6.	HP1	x	x	x	x	x	x	x
7.	HP2	x	x	x	x	x	x	x
8.	HP3	x	x	x	x	x	x	x
9.	HP4	x	x	x	x	x	x	x
10.	Các thủ thuật, phẫu thuật Tai Mũi Họng	x	x	x	x	x	x	x
11.	Cấp cứu Tai Mũi Họng	x	x	x	x	x	x	x
12.	Chẩn đoán thính học	x	x	x	x	x	x	X
13.	Chẩn đoán hình ảnh Tai Mũi Họng	x	x	x	x	x	x	X
14.	Tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	X

#### 4. Mô tả các học phần

##### 4.1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học những nội dung cơ bản triết học gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước. Học phần này giúp học viên vận dụng hiệu quả kiến thức về triết học trong thực hành nghề nghiệp chuyên môn.

##### 4.2. Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành

Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp, kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống chuyên môn và các kỹ năng tra cứu, tự học.

##### 4.3. Học phần Tin học ứng dụng

Học phần tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học các kiến thức về tin học trong lĩnh vực sức khỏe; giúp người học có các kiến thức và kỹ năng thực hiện thành thạo, hiệu quả nhất trong việc sử dụng một phần mềm thống kê để xử lý số liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm để trích dẫn tài liệu tham khảo, trình bày và báo cáo luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học đúng qui cách, lưu trữ, quản lý, bảo mật dữ liệu.

#### **4.4. Học phần Giải phẫu**

Học phần Giải phẫu thuộc kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học các kiến thức về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan bình thường trên cơ thể người. Từ đó, áp dụng phát hiện các bất thường về mặt hình thái đồng thời liên hệ về chức năng và thực hành lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

#### **4.5. Học phần Thần kinh**

Học phần Thần kinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học kiến thức về một số bệnh lý thần kinh có liên quan đến Tai Mũi Họng. Học viên thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí một số bệnh thần kinh. Học viên chủ động trong học tập, giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

#### **4.6. Học phần Kiến thức chung về tai mũi họng**

Học phần Kiến thức chung về tai mũi họng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về giải phẫu và sinh lý lâm sàng các cơ quan tai mũi họng. Các kiến thức cơ bản trong khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý của bệnh lý chuyên ngành tai mũi họng. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, học dựa trên vấn đề.

#### **4.7. Học phần Tai xương chũm**

Học phần Tai xương chũm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về các bệnh lý tai ngoài, tai giữa – xương chũm. Các kiến thức cơ bản trong khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý của tai. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật, phụ mổ các bệnh lý viêm tai giữa cấp và mạn và kịp thời xử trí các tai biến trong và sau phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu

là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

#### **4.8. Học phần Mũi xoang**

Học phần Mũi xoang là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về Mũi xoang . Khám, chẩn đoán, tiên lượng và xử lý các bệnh lý mũi xoang. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật , các phẫu thuật vùng mũi xoang. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

#### **4.9. Học phần Họng - Thanh quản**

Học phần Họng – Thanh quản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về Họng – Thanh quản . Khám, chẩn đoán, tiên lượng và xử lý các bệnh lý mũi xoang. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật , các phẫu thuật vùng Họng – Thanh quản . Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

#### **4.10. Học phần Thủ thuật và phẫu thuật cơ bản trong tai mũi họng**

Học phần Thủ thuật và phẫu thuật cơ bản trong tai mũi họng, là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hiện Thủ thuật và phẫu thuật cơ bản trong tai mũi họng và kịp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

#### **4.11. Học phần Cấp cứu Tai Mũi Họng**

Học phần cấp cứu trong tai mũi họng, là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nhận định, đánh giá tình trạng cấp cứu tai mũi họng và sơ cấp cứu kịp thời các cấp cứu tai mũi họng. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động

não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

#### 4.12. Học phần Chẩn đoán thính học

Học phần Chẩn đoán thính học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị các bệnh lý về tai. Học phần trang bị cho người học kỹ năng đọc được kết quả các thăm dò thính học. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

#### 4.13. Học phần Chẩn đoán hình ảnh Tai Mũi Họng

Học phần Chẩn đoán hình ảnh Tai Mũi Họng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong đọc các kết quả chẩn đoán hình ảnh và áp dụng được vào việc chẩn đoán và phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

#### 4.14. Học phần Tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Người học được củng cố ôn lại toàn bộ kiến thức của chương trình học. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, tự học, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học thông qua bài tập lớn, nghiên cứu ca lâm sàng, thảo luận nhóm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

### V. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Thuyết trình	x						
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x
Đóng vai		x	x	x	x	x	
Giao ban, đi buồng	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu ca lâm sàng	x	x	x	x	x	x	x
Bình bệnh án		x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn kỹ thuật thủ thuật, phẫu thuật			x	x	x	x	x

Dạy học mô phỏng		x	x	x	x		
Trực, tự học, quan sát	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học thông qua bài tập lớn		x	x	x	x	x	x
Dạy học dựa trên vấn đề		x	x	x	x	x	x

## VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần (Điểm danh, mức độ tham gia học tập)	1,2,3,4	RAEs	10%
Thi KTHP (kỹ năng tay nghề, tình huống lâm sàng, tự luận)	1,2,3,4,5,6,7	Bảng kiểm, thang điểm chuẩn	90%
Thi tốt nghiệp (kỹ năng tay nghề, chỉ tiêu lâm sàng, bệnh án, tự luận)	1,2,3,4,5,6,7	Thang điểm chuẩn, bảng kiểm.	100%

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Tuyển sinh

Tốt nghiệp đại học ngành Bác sĩ đa khoa và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh theo qui định của Bộ Y tế về đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

### 2. Tiến trình đào tạo

Khối kiến thức	Tên học phần	Năm 1	Năm 2
<b>Chung</b>	Triết học		
	Ngoại ngữ chuyên ngành		
	Tin học ứng dụng		
<b>Cơ sở ngành</b>	Giải phẫu		
	Thần kinh		
<b>Chuyên ngành</b>	HP1: Kiến thức chung về tai mũi họng		
	HP2: Bệnh học tai xương chũm		
	HP3: Bệnh học mũi xoang		

	HP4: Bệnh học họng – thanh quản		
<b>Tự chọn</b>			
<b>Tốt nghiệp</b>			

- Tổ chức học lý thuyết: các học phần lý thuyết được tổ chức học tại giảng đường thông minh với đầy đủ trang thiết bị cung cấp cho hoạt động thảo luận nhóm.
- Tổ chức học lâm sàng: bắt đầu chuyển sang khối kiến thức chuyên ngành, học viên thực hành lâm sàng tại Khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hải Phòng, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng.
- Kỳ thi kết thúc các học phần được tổ chức tại Khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hải Phòng và tại trường.
- Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành, thi đạt yêu cầu toàn bộ chứng chỉ các môn chung, môn hỗ trợ và môn chuyên ngành.

### 3. Công tác đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục

Công tác đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục được tiến hành định kỳ 2 năm 1 lần theo qui định.

## VIII. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Đối sánh CĐR của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016

CĐR của CTĐT	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam năm 2016 Bậc 7
PLO1,2,3,4,5	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo
PLO3,4,5,6,7	Có kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến
PLO5,7	Kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp
PLO1,5,6,7	Khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp
PLO5,6,7	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

### 2. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng		Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	7	11	6	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	6	10	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	40	63	40	57,1
Tự chọn	8	13	11	15,7
Tốt nghiệp	2	3	3	4,3
<b>Tổng</b>	<b>63</b>		<b>70</b>	

PHỤ TRÁCH CTĐT



PGS. TS. VŨ VĂN SẢN

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải